

Bản án số: 562/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29 tháng 5 năm 2026
V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Dung, ông Chu Bá Hữu

- Thư ký phiên tòa:

Ông Nguyễn Tiến Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Cao Đức Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 434/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Y, sinh năm 1949; CCCD số: 038149000xxx; nơi thường trú: C1802, ĐNA-CT1, No23 Chung cư H, phường B, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện tại: Phòng 102 khu nhà ở ghép hộ, số 63 ngõ 24 phố N, phường B, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Bùi Tiến C, sinh năm 1946; CCCD số: 030046000xxx; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn M, xã C, thành phố Hải Phòng.

(Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07/4/2026, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội, nguyên đơn – bà Đoàn Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Bùi Tiến C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/7/1988 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H, tỉnh Hà Nam Ninh (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình).

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà cùng chung sống đến khoảng năm 2020 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không còn tình cảm, không còn tiếng nói chung trong đời sống sinh hoạt cũng như kinh tế gia đình. Dần dần mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm lẫn nhau. Dù vợ chồng đã tìm nhiều cách để hàn gắn nhưng không thành. Đến khoảng năm 2023 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, nói chuyện với nhau từ đó đến nay. Hiện nay, bà đang sinh sống ở tại Phòng 102 khu nhà ở ghép hộ, số 63 ngõ 24 phố N, phường B, thành phố Hà Nội nhưng hộ khẩu thường trú vẫn ở C1802, ĐNA-CT1, No23 Chung cư H, phường B, thành phố Hà Nội. Còn ông Bùi Tiến C đã chuyển hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại Thôn M, xã C, thành phố Hải Phòng.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng kéo dài, không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Tiến C.

- Về con chung: Bà và ông Bùi Tiến C không có con chung.
- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Bà và ông Bùi Tiến C không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà không còn yêu cầu gì, không trình bày thêm nội dung nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Bùi Tiến C trình bày:

Ông và bà Đoàn Thị Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/7/1988 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H, tỉnh Hà Nam Ninh (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình).

Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến ly thân khoảng hơn 02 năm nay.

Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng kéo dài, không thể hàn gắn được, nên ông đồng ý ly hôn với bà Y.

Hiện nay, ông đang thường trú và sinh sống tại Thôn M, xã C, thành phố Hải Phòng. Để thuận tiện cho bà Y xin ly hôn tại Tòa án thì ông đồng ý Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội giải quyết vụ án ly hôn của vợ chồng ông.

- Về con chung: không có con chung.
- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: không có nợ chung.

Ngoài ra ông không còn yêu cầu gì, không trình bày thêm nội dung nào khác.

Đối với vụ án này, Tòa án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn có đơn đề nghị vắng mặt.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hà Nội phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thủ tục Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Đoàn Thị Y được ly hôn với ông Bùi Tiến C.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền:* Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 – Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân, nguyên đơn và bị đơn có văn bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn là bà Đoàn Thị Y, địa chỉ: phường B, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội.

[2]. Về việc nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đoàn Thị Y và ông Bùi Tiến C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND thị trấn N, huyện H, tỉnh Hà Nam Ninh ngày 17/7/1988. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4]. *Về nguyên nhân mâu thuẫn:* Căn cứ vào những lời khai của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Đoàn Thị Y và ông Bùi Tiến C quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không còn tình cảm, không

còn tiếng nói chung trong đời sống sinh hoạt cũng như kinh tế gia đình. Dần dần mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm lẫn nhau. Dù vợ chồng đã tìm nhiều cách để hàn gắn nhưng không thành. Đến khoảng năm 2023 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, nói chuyện với nhau từ đó đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng kéo dài, không thể hàn gắn được.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” “2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác...”. Như vậy, mục đích hôn nhân của vợ chồng của bà Y và ông C không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Y với ông C là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về con chung: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định: vợ chồng bà Y và ông C không có con chung.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Do ông C, bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[7]. Bà Y là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm về ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đoàn Thị Y. Bà Đoàn Thị Y được ly hôn với ông Bùi Tiến C.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/7/1988 giữa ông, bà Đoàn Thị Y và Bùi Tiến C do UBND thị trấn N, huyện H, tỉnh Hà Nam Ninh cấp trước đây nay không còn hiệu lực.

2. Về con chung: Bà Đoàn Thị Y và ông Bùi Tiến C không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đoàn Thị Y được miễn án phí sơ thẩm về lý.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Bà Đoàn Thị Y và ông Bùi Tiến C vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Những người tham gia tố tụng
- Toà án nhân dân TP Hà Nội
- VKSND TP Hà Nội
- VKSND khu vực 5 - Hà Nội
- Phòng THADS khu vực 5 - Hà Nội
- UBND xã N, tỉnh Ninh Bình (ĐKKH ngày 17/7/1988)
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đăng Vĩnh